BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Kỹ thuật xây dựng

Khoá học: 2026-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 901/QĐ-ĐHPĐ-ĐT ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Kỹ thuật xây dựng	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Kiến trúc – Công trình	
Trang thông tin điện tử của khoa	
https://www.phuongdong.edu.vn/khoa-kien-truc-cong-trinh	
Tên văn bằng	
Kỹ sư	
Mã ngành đào tạo	
7580201	
Điều kiện tuyển sinh	
Ngành Kỹ thuật xây dựng tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ); - Các phương thức khác theo quy định tuyển sinh được Nhà trường công bố hằng năm;	
Thời gian và hình thức đào tạo	

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo
Kỹ sư	4,0 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thực tập, thí nghiệm.
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm - Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	01			01	
2	Phó Giáo sư	03			03	
3	Tiến sĩ	02			02	
4	Thạc sĩ	05		01	06	
5	Cử nhân		01		01	
TỔNG CỘNG		11	01	01	**13**	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Kỹ sư hiện trường / Kỹ sư thi công:

Thực hiện tổ chức thi công, quản lý kỹ thuật, chất lượng, tiến độ và an toàn tại công trường.

- Kỹ sư giám sát / Tư vấn giám sát:

Giám sát chất lượng, khối lượng và tiến độ công trình theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và hợp đồng.

- Kỹ sư thiết kế kết cấu, hạ tầng:

Tham gia thiết kế kết cấu, hạ tầng, lập hồ sơ kỹ thuật tại các đơn vị tư vấn thiết kế xây dựng.

- Kỹ sư dự toán, cán bộ phòng đấu thầu:

Lập, thẩm tra dự toán, quản lý chi phí, thanh quyết toán dự án xây dựng, lập hồ sơ đấu thầu.

- Chỉ huy trưởng công trình / Quản lý dự án:

Điều hành tổng thể dự án tại doanh nghiệp xây dựng, ban quản lý dự án của chủ đầu tư.

- Chuyên viên Ban Quản lý dự án – Chủ đầu tư:

Quản lý đầu tư xây dựng, hồ sơ pháp lý, chất lượng và tiến độ các dự án công.

- Cán bộ, chuyên viên cơ quan quản lý nhà nước.

Làm việc tại các sở, phòng chuyên môn (Xây dựng, Giao thông, Quản lý đô thị…), tham gia quản lý nhà nước về xây dựng.

- Tư vấn độc lập / Doanh nghiệp xây dựng:

Phát triển thành chuyên gia kỹ thuật, tư vấn độc lập hoặc thành lập, điều hành doanh nghiệp xây dựng.

- Đào tạo & Nghiên cứu:

Giảng viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở đào tạo sau đại học và học viện chuyên ngành.

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phương Đông là sự tích hợp hài hòa giữa hệ giá trị phương Đông và phương pháp khoa học phương Tây (East Values - West Methods), nhằm nuôi dưỡng những con người có tinh thần nhân văn, tư duy độc lập, năng lực học tập suốt đời, khả năng thích ứng và ý thức trách nhiệm xã hội.

- ***Giá trị phương Đông*** được xem là nền tảng hình thành nhân cách người học, bao gồm tinh thần nhân văn, đạo đức, sự tôn trọng tri thức, ý thức cộng đồng và sự bền bỉ trong học tập. Đây là yếu tố tạo nên chiều sâu văn hóa và bản sắc của Nhà trường.

- ***Phương pháp khoa học phương Tây*** là cách tiếp cận giáo dục hiện đại mà Nhà trường vận dụng, bao gồm tư duy phản biện, học tập qua trải nghiệm, tiếp cận liên ngành, phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm và môi trường học thuật cởi mở.

Sự kết hợp giữa hai yếu tố này nhằm hướng tới mục tiêu đào tạo những con người phát triển toàn diện, vừa có nền tảng đạo đức vững chắc, vừa có năng lực tư duy và sáng tạo, có khả năng thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và đóng góp tích cực cho xã hội.

4b. Mục tiêu của CTĐT

Chương trình đào tạo Kỹ sư ngành Kỹ thuật xây dựng được xây dựng theo định hướng ứng dụng (course work), với nội dung hiện đại, linh hoạt và gắn với nhu cầu thực tiễn của ngành xây dựng. Người học được trang bị hệ thống kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng thiết kế, phân tích, tổ chức thi công, quản lý, giám sát và vận hành các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; có năng lực ứng dụng công nghệ số, mô hình thông tin công trình (BIM), trí tuệ nhân tạo (AI) và các công cụ hiện đại trong giải quyết các vấn đề kỹ thuật xây dựng; đồng thời được rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe và trách nhiệm xã hội để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành xây dựng trong bối cảnh chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường; đồng thời đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Kiến thức:

PLO 1	Kiến thức chung và nền tảng: Vận dụng kiến thức Toán học, Khoa học cơ bản, Khoa học chính trị, Pháp luật và Công nghệ số làm nền tảng để phát triển kiến thức trong lĩnh vực Kỹ thuật xây dựng.
PLO 2	Kiến thức cơ sở ngành: Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành làm nền tảng cho việc phát triển kiến thức chuyên ngành và thực hiện các học phần, đồ án kỹ thuật xây dựng.

PLO 3	Kiến thức chuyên ngành: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về thiết kế, thi công và quản lý xây dựng để giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn và thích ứng với sự phát triển của khoa học, công nghệ trong lĩnh vực xây dựng.
Kỹ năng:	
PLO4	Kỹ năng nghề nghiệp: Thực hiện các kỹ năng chuyên môn để giải quyết các nhiệm vụ trong khảo sát, thiết kế, thi công và quản lý công trình xây dựng.
PLO5	Giao tiếp và hội nhập: Sử dụng các hình thức giao tiếp phù hợp và thực hiện kỹ năng phối hợp trong môi trường đa ngành và hội nhập quốc tế.
PLO 6	Công nghệ và chuyển đổi số: Ứng dụng công nghệ số và các phần mềm chuyên ngành trong hoạt động thiết kế, thi công và quản lý xây dựng.
PLO 7	Tổ chức và quản lý công việc: Thực hiện kỹ năng lập kế hoạch, kiểm tra, giám sát, quản lý nguồn lực và phối hợp liên ngành trong triển khai các dự án xây dựng.
PLO8	Tư duy phản biện: Phân tích và giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng tư duy phản biện, sáng tạo và tiếp cận đa ngành.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 9	Đạo đức và trách nhiệm: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và trách nhiệm xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.
PLO 10	Tự học và thích ứng: Thể hiện tinh thần trách nhiệm, khả năng tự học, học tập suốt đời và thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển công nghệ.
4.đ. Những đặc điểm khác của CTĐT	
i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa (CTĐT có những giải pháp gì để thúc đẩy khả năng quốc tế hóa và khuyến khích sinh viên giao lưu văn hóa?)	
- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước. - Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.	
ii) Các vấn đề khác (Tính bình đẳng, đa dạng, đầy đủ được tích hợp như thế nào khi thiết kế, xây dựng nội dung và triển khai CTĐT)	
- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật. - Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.	

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).
- Đối sánh CTĐT với các trường:

  + Trong nước: Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (HUCE) – Ngành Kỹ thuật Xây dựng và Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (HAU) – Ngành Kỹ thuật Xây dựng.

  + Nước ngoài: Đại học Kỹ thuật TU Berlin (CHLB Đức) & Đại học Bách khoa Hong Kong (The Hong Kong Polytechnic University - PolyU)

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 155 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).
2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
   - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
   - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
   - Khá: từ 2.50 đến 3.19
   - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/ TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
1	1	POL710001	Triết học Mác - Lênin	3	45	45				BB	Không		
2	1	MAT710001	Toán cao cấp A1	3	45	45				BB	Không		
3	1	BCE711001	Vật lý đại cương	2	30	30				BB	Không		
4	1	LAW710006	Pháp luật đại cương	2	30	30				BB	Không		
5	2	POL710002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	30				BB	Triết học Mac-Lênin		
6	2	MAT710002	Toán cao cấp A2	2	30	30				BB			
7	2	FOS710001	Anh văn 1	3	45	45				BB			
8	2	ITE710001	Kỹ năng số	2	30	0	60			BB			
9	2	ITE710002	Khám phá AI	2	30	0	60			BB			
10	2	ARP721004	Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3	45	45				BB			
11	3	POL710003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30				BB	Kinh tế chính trị Mac-Lênin		
12	3	FOS710002	Anh văn 2	3	45	45				BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/ TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
13	3	BCE721001	Cơ học lý thuyết	3	45	45				BB			
14	3	BCE721003	Trắc địa + Thực tập trắc địa	3	45	30	30			BB			
15	3	BCE721004	Địa chất công trình + Thực tập địa chất công trình	3	45	30	30			BB			
16	4	POL710004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30				BB	Chủ nghĩa XHKH		
17	4	FOS710003	Anh văn 3	3	45	45				BB			
18	4	BCE721007	Cơ học đất + Thí nghiệm cơ học đất	3	45	30	30			BB			
19	4	ARP721030	Cấu tạo kiến trúc và bài tập lớn	3	45	30	30			BB			
20	4	BCE721002	Sức bền vật liệu	3	45	45				BB			
21	5	POL710005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30				BB	Tư tưởng HCM		
22	5	FOS710004	Anh văn 4	3	45	45				BB			
23	5	BCE721005	Cơ học kết cấu	3	45	45				BB			
24	5	BCE721006	Vật liệu xây dựng + Thí nghiệm VLXD	3	45	30	30			BB			
25	6	FOS710005	Anh văn 5	3	45	45				BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/ TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
26	6	JMC710005	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30				BB			
27	6	CMA731002	Pháp luật trong lĩnh vực xây dựng	2	30	30				BB			
28	6	CMA721005	Kinh tế trong hoạt động xây dựng	2	30	30				BB			
29	6	BCE731001	Hệ thống kỹ thuật công trình	3	45	45				BB			
30	6	ARP721029	Thiết kế bền vững và môi trường xanh	2	30	30				BB			
31	7	BCE721008	Kết cấu bê tông cốt thép phần cấu kiện cơ bản	3	45	45				BB			
32	7	BCE721009	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép	2	30	15	30			BB			
33	7	BCE731002	Nền móng công trình	3	45	45				BB			
34	7	BCE731003	Đồ án nền móng công trình	2	30	15	30			BB			
35	7	BCE731012	Phần mềm ứng dụng trong kết cấu và thi công	3	45	30	30			BB			
36	7	BCE721012	Máy và thiết bị thi công xây dựng	2	30	30				BB			
37	8	BCE731004	Kết cấu công trình bê tông cốt thép	3	45	45				BB			
38	8	BCE731005	Đồ án kết cấu công trình bê tông cốt thép	3	45	30	30			BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/ TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
39	8	BCE721010	Kết cấu thép phần cấu kiện cơ bản	3	45	45				BB			
40	8	BCE721011	Đồ án kết cấu thép	2	30	15	30			BB			
41	8	BCE710002	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	30	30				BB			
42	9	BCE731006	Kết cấu công trình thép	2	30	30				BB			
43	9	BCE731007	Đồ án kết cấu công trình thép	2	30	15	30			BB			
44	9	CMA731019	Quản lý dự án xây dựng	2	30	30				BB			
45	9	BCE741001	Thực tập nghề xây dựng	3	45	0	90			BB			
46	9		Tự chọn 1	2	30	30				TC			
47	10	BCE731013	Công nghệ số trong xây dựng (Bim, AI)	3	45	30	30			BB			
48	10	BCE731008	Kỹ thuật và công nghệ xây dựng	3	45	45				BB			
49	10	BCE731009	ĐA kỹ thuật và công nghệ XD	3	45	30	30			BB			
50	10		Tự chọn 2	3	45	45				TC			
51	10		Tự chọn 3	3	45	45				TC			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/ TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
52	11	BCE731010	Tổ chức sản xuất xây dựng	3	45	45				BB			
53	11	BCE731011	Đồ án tổ chức sản xuất xây dựng	3	45	30	30			BB			
54	11	BCE741002	Thực tập Cán bộ kỹ thuật	6	90	15	150			BB			
55	12	BCE751001	Đồ án tốt nghiệp (**)	12	180	60	240			BB			
			MÔN TỰ CHỌN KT NGÀNH CHUNG										
1	9	CMA731035	Định mức và dự toán xây dựng	2	30	30				TC			
2	9	BCE731022	Quản lý hồ sơ trong xây dựng	2	30	30				TC			
3	9	BCE731014	Gia cố và sửa chữa k/c BTCT	2	30	30				TC			
4	9	ARP731004	Tiếng Anh chuyên ngành (ESP)	2	30	30				TC			
			MÔN TỰ CHỌN CHUYÊN NGÀNH										
1	10	BCE731015	Thí nghiệm & kiểm định công trình	3	45	45				TC			
2	10	BCE731016	Chuyên đề kết cấu xây dựng	3	45	45				TC			
3	10	BCE731017	Chuyên đề công nghệ xây dựng	3	45	45				TC			
4	10	BCE731018	Kỹ thuật và công nghệ thi công nhà lắp ghép	3	45	45				TC			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/ TC	Điều kiện TQ	Học phần	Học phần
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT			SH	HT
5	10	BCE731019	Đồ án kỹ thuật và công nghệ thi công nhà lắp ghép	3	45	30	30			TC			
6	10	BCE731020	Thi công công trình ngầm	3	45	45				TC			

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
1	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác – Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc thuộc hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo đại học. Nội dung học phần gồm 3 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua đó, học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực vận dụng các kiến thức triết học Mác – Lênin vào hoạt động nhận thức, cũng như thực tiễn học tập.
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận như: Khái quát sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần giúp người học nắm vững, giải thích được những vấn đề mang tính quy luật trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Nội dung học phần tập trung vào các nhóm vấn đề: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong quá trình xây dựng xã hội XHCN (dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp, liên minh giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH). Kiến thức của học phần là cơ sở để người học nhận diện, vận dụng kiến thức chủ nghĩa xã hội khoa học và lý giải một số vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức công dân và trách nhiệm đối với

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
			cộng đồng, xã hội; đồng thời cũng là cơ sở lý luận để người học tiếp cận về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được khái niệm, cơ sở và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; liên hệ các nội dung cơ bản và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và con người. Kiến thức của học phần góp phần hình thành tư duy độc lập, năng lực liên hệ và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của người học đối với cộng đồng, đất nước và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu lịch sử Đảng; vận dụng kiến thức lịch sử để lý giải các chủ trương, đường lối của Đảng trong từng thời kỳ. Nội dung học phần tập trung vào quá trình thành lập Đảng; sự lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến và kiến quốc; xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng, học phần giúp người học hình thành năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề lịch sử – chính trị và vận dụng những bài học lịch sử vào nhận thức các vấn đề thực tiễn của Việt Nam.
6	Toán cao cấp A1	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về đại số tuyến tính. Học phần giúp người học giải thích các khái niệm, định lý và phương pháp cơ bản; áp dụng ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector, ánh xạ tuyến tính, vector riêng để giải các bài toán xuất hiện trong các tình huống kỹ thuật. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường trực quan, sử dụng công cụ tính toán và mô hình hóa các tình huống đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
7	Toán cao cấp A2	2	Học phần cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về giải tích một biến, giải tích nhiều biến và một số ứng dụng. Học phần giúp người học giải thích các khái niệm, định lý và phương pháp cơ bản; áp dụng, đạo hàm, tích phân, đạo hàm riêng và phương pháp nhân tử Lagrange để giải các bài toán định lượng cơ bản. Nội dung học phần được tổ chức theo hướng tăng cường trực quan, sử dụng công cụ tính toán và mô hình hóa các tình huống

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
			đơn giản gắn với lĩnh vực chuyên ngành. Qua học phần, người học phát triển tư duy logic, khả năng biểu diễn bài toán thực tiễn bằng mô hình toán học, tính cẩn trọng trong xử lý số liệu và năng lực kiểm tra, trình bày kết quả tính toán, làm cơ sở học tập các học phần chuyên ngành tiếp theo.
8	Vật lý đại cương	2	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt học, điện – từ học, dao động, sóng và quang học cùng các quy luật vật lý nền tảng. Học phần giúp người học vận dụng các nguyên lý vật lý để phân tích, mô hình hóa và giải quyết các bài toán trong kỹ thuật và xây dựng.
9	Pháp luật đại cương	2	Cung cấp kiến thức nền tảng về nhà nước, pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày, giải thích nguồn gốc, bản chất, chức năng, kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật; nhận diện quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hình thức thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; vận dụng quy định pháp luật để xử lý tình huống pháp lý đơn giản. Nội dung học phần gồm những vấn đề cơ bản của pháp luật hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự và tố tụng. Qua học phần, người học hình thành khả năng lựa chọn cách ứng xử phù hợp với pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, đồng thời nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm công dân.
10	Anh văn 1	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Số đếm, số thứ tự, thứ, ngày, tháng, tên quốc gia, quốc tịch, các đồ vật thông dụng, gia đình, công việc/nghề nghiệp, hoạt động hàng ngày, thời gian rảnh rỗi. - Ngữ pháp: Đại từ nhân xưng, động từ To be, Đại từ chỉ định (this/that/these/those), Sở hữu cách, Thì Hiện tại đơn (với động từ thường và be), Trật tự tính từ, Trạng từ chỉ tần suất. - Phát âm: Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm cơ bản, trọng âm từ đơn giản, cách phát âm đuôi -s/-es.
11	Anh văn 2	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Thời tiết, khí hậu, các mùa trong năm, kỳ nghỉ, thể thao, mua sắm, các món ăn/thực phẩm, chăm sóc sức khỏe, giới từ chỉ địa điểm/thời gian. - Ngữ pháp: Thì Quá khứ đơn (động từ có quy tắc và bất quy tắc), Thì Hiện tại tiếp diễn, Thì Hiện tại hoàn thành (mức độ sơ cấp), Cấu trúc so sánh hơn và so sánh nhất, Các cấu trúc nhấn mạnh và diễn đạt tương lai đơn giản (be going to). - Phát âm: Phát âm đuôi -ed, nhịp điệu câu, dạng yếu của từ, phân biệt các cặp âm dễ nhầm lẫn.
12	Anh văn 3	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Miêu tả người (ngoại hình, tính cách), các mối quan hệ, nhà cửa và đồ đạc, công việc và học tập, các môn học, trạng từ chỉ cách thức, cụm tính từ + giới từ, sự giống và khác nhau, say vs tell. - Ngữ pháp: Ôn tập & nâng cao các thì Hiện tại đơn, Hiện tại tiếp diễn, Quá khứ đơn, Quá khứ tiếp diễn; Cấu trúc động từ (verb patterns); Động từ khuyết thiếu cơ bản (have to, must, should); Trật tự từ trong câu hỏi.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
			- Phát âm: Dạng yếu của "to", từ nối, đuôi "ing", chữ cái "o", "th", "i", trọng âm câu và từ.
13	Anh văn 4	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Động vật, thể thao, con người trên thế giới, các dạng thức của động từ, các động từ dễ gây nhầm lẫn, cụm động từ (phrasal verbs), cách thành lập danh từ, động từ cụm và chuyển động. - Ngữ pháp: Câu điều kiện loại 1 và loại 2; Đại từ sở hữu; Thì Quá khứ hoàn thành; Diễn đạt sự chuyển động; Trật tự từ trong cụm động từ; Câu bị động; Cấu trúc used to; Cấu trúc đảo ngữ với so / neither; Câu tường thuật và câu hỏi với trợ động từ. - Phát âm: Phân biệt cặp nguyên âm ngắn/dài, từ đồng âm, đọc to có nhịp điệu, phụ âm tròn môi, nguyên âm đôi, phụ âm kép, ngữ điệu từ để hỏi.
14	Anh văn 5	3	Tiếng Anh cơ bản gồm các nội dung: - Từ vựng: Đồ ăn & cách nấu nướng, tiền tệ, giao thông, ngôn ngữ điện thoại, phim ảnh, các bộ phận cơ thể; cụm động từ nâng cao, liên kết động từ + giới từ, tính từ + giới từ, phân biệt tính từ đuôi -ing & -ed. - Ngữ pháp: Động từ chỉ hoạt động vs Động từ trạng thái (action & state verbs); Sử dụng nâng cao mạo từ (a/an, the, zero article); Động từ khuyết thiếu chỉ sự phán đoán/khả năng (must, can, could, might...); Thể bị động nâng cao; Ôn tập và củng cố toàn diện hệ thống các thì. - Phát âm: Phân biệt các âm phụ âm và nguyên âm; khái niệm âm câm; các hình thái phát âm và nối âm nâng cao.
15	Kỹ năng số	2	Trang bị kiến thức nền tảng về máy tính, hệ điều hành, mạng Internet và ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) cùng các ứng dụng lưu trữ, làm việc nhóm trực tuyến. Học phần hướng dẫn cách tìm kiếm, đánh giá, quản lý dữ liệu an toàn và khai thác hiệu quả các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ công việc. Bên cạnh đó, môn học nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và tuân thủ đạo đức, pháp luật trên môi trường số. Cuối cùng, sinh viên được trang bị tư duy công nghệ và năng lực tự học để thích ứng tốt với sự phát triển liên tục của chuyển đổi số.
16	Khám phá AI	2	Cung cấp kiến thức nền tảng về lịch sử, nguyên lý hoạt động cơ bản của Trí tuệ nhân tạo (AI), Học máy (Machine Learning) và AI tạo sinh (Generative AI). Sinh viên được thực hành ứng dụng các công cụ AI phổ biến để xử lý văn bản, tạo dựng hình ảnh, phân tích dữ liệu và tối ưu hóa quy trình học tập, làm việc. Đồng thời, học phần giúp nâng cao nhận thức về đạo đức AI, tính trung thực học thuật, bản quyền và các rủi ro tiềm ẩn khi sử dụng công nghệ trong đời sống số.
17	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về quy trình nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu và viết báo cáo khoa học.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	Trang bị kiến thức cơ bản về tư duy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, xây dựng mô hình kinh doanh và phát triển ý tưởng, góp phần hình thành năng lực đổi mới và thích ứng với môi trường nghề nghiệp.
19	Thiết kế bền vững và môi trường xanh	2	Cung cấp kiến thức về nguyên lý thiết kế bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường trong xây dựng, hướng tới phát triển công trình xanh và phát triển bền vững.
20	Kinh tế trong hoạt động xây dựng	2	Học phần trang bị kiến thức cơ bản về kinh tế xây dựng, quản lý chi phí, phân tích hiệu quả đầu tư và các nguyên tắc kinh tế trong quá trình đầu tư, thiết kế, thi công và khai thác công trình xây dựng.
21	Cơ học lý thuyết	3	Cung cấp các kiến thức cơ bản về tĩnh học, động học và động lực học của vật rắn, làm nền tảng cho việc phân tích lực, chuyển động và giải quyết các bài toán trong kỹ thuật xây dựng.
22	Sức bền vật liệu	3	Trang bị kiến thức về trạng thái ứng suất, biến dạng và độ bền của vật liệu, phương pháp tính toán các cấu kiện chịu lực cơ bản, làm nền tảng cho các học phần thiết kế kết cấu xây dựng.
23	Trắc địa + Thực tập trắc địa	3	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng về đo đạc, xác định vị trí, cao độ, lập bản đồ địa hình; sử dụng các thiết bị trắc địa, xử lý số liệu và thực hiện các công tác khảo sát phục vụ thiết kế, thi công công trình xây dựng.
24	Địa chất công trình + Thực tập địa chất công trình	3	Trang bị kiến thức và kỹ năng về đặc điểm địa chất, tính chất cơ lý của đất đá, khảo sát địa chất công trình, lấy mẫu, thí nghiệm và đánh giá điều kiện nền móng phục vụ thiết kế và thi công công trình xây dựng.
25	Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3	Trang bị kiến thức và kỹ năng về biểu diễn hình học, đọc và lập bản vẽ kỹ thuật theo tiêu chuẩn, làm nền tảng cho việc sử dụng bản vẽ trong thiết kế, thi công và quản lý công trình xây dựng.
26	Pháp luật trong lĩnh vực xây dựng	2	Học phần trang bị kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật, các quy định và tiêu chuẩn trong hoạt động đầu tư xây dựng; giúp người học vận dụng đúng các quy định pháp lý trong thiết kế, thi công, quản lý và hành nghề xây dựng.
27	Cơ học kết cấu	3	Học phần trang bị kiến thức về phân tích nội lực, chuyển vị và ổn định của hệ kết cấu; làm nền tảng cho tính toán, thiết kế và kiểm tra các công trình xây dựng.
28	Vật liệu xây dựng + Thí nghiệm VLXD	3	Trang bị kiến thức và kỹ năng về tính chất, phạm vi sử dụng và phương pháp thí nghiệm các loại vật liệu xây dựng; giúp người học lựa chọn, đánh giá chất lượng và sử dụng vật liệu phù hợp trong thiết kế và thi công công trình.
29	Cơ học đất + Thí nghiệm cơ học đất	3	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng về tính chất cơ lý của đất, trạng thái ứng suất, biến dạng và sức chịu tải của nền đất; thực hiện các thí nghiệm cơ học đất phục vụ phân tích, thiết kế nền móng công trình xây dựng.
30	Cấu tạo kiến trúc và bài tập lớn	3	Trang bị kiến thức về cấu tạo các bộ phận công trình dân dụng và công nghiệp, nguyên tắc lựa chọn giải pháp cấu tạo phù hợp; đồng thời rèn luyện kỹ năng triển khai bản vẽ thông qua bài tập lớn.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
31	Kết cấu bê tông cốt thép phần cấu kiện cơ bản	3	Trang bị kiến thức về nguyên lý làm việc và phương pháp tính toán, thiết kế các cấu kiện bê tông cốt thép cơ bản như dầm, cột, sàn theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.
32	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép	2	Học phần rèn luyện kỹ năng xác định tải trọng, phân tích nội lực, tính toán, thiết kế và triển khai bản vẽ các cấu kiện bê tông cốt thép cơ bản (dầm, sàn, cột, móng...) theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.
33	Kết cấu thép phần cấu kiện cơ bản	3	Học phần trang bị kiến thức về nguyên lý làm việc và phương pháp tính toán, thiết kế các cấu kiện thép cơ bản như dầm, cột và liên kết thép theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.
34	Đồ án kết cấu thép	2	Học phần rèn luyện kỹ năng xác định tải trọng, phân tích nội lực, tính toán, thiết kế và triển khai bản vẽ các cấu kiện thép cơ bản và liên kết thép theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.
35	Máy và thiết bị thi công xây dựng	2	Trang bị kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc, phạm vi sử dụng và lựa chọn các loại máy, thiết bị thi công xây dựng; phục vụ tổ chức và quản lý thi công công trình hiệu quả.
36	Thực tập nghề xây dựng	3	Học phần giúp sinh viên trực tiếp thực hành các công việc nghề xây dựng tại công trường hoặc đơn vị chuyên môn, vận dụng kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tác phong làm việc và ý thức tuân thủ an toàn lao động.
37	Hệ thống kỹ thuật công trình	3	Trang bị kiến thức cơ bản về các hệ thống kỹ thuật trong công trình như cấp thoát nước, cấp điện, thông gió, điều hòa không khí, phòng cháy chữa cháy và thông tin liên lạc; phục vụ thiết kế và vận hành công trình xây dựng.
38	Nền móng công trình	3	Trang bị kiến thức về nguyên lý tính toán, thiết kế nền móng nông, móng sâu và các giải pháp xử lý nền đất yếu theo tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng yêu cầu an toàn và ổn định công trình.
39	Đồ án nền móng công trình	2	Học phần rèn luyện kỹ năng tính toán, thiết kế và triển khai bản vẽ nền móng công trình trên cơ sở số liệu khảo sát địa chất, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, ổn định và tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.
40	Kết cấu công trình bê tông cốt thép	3	Học phần trang bị kiến thức về lựa chọn phương án kết cấu, thiết lập mặt bằng và hệ kết cấu chịu lực, xác định tải trọng tác dụng, phân tích nội lực, tính toán và thiết kế kết cấu bê tông cốt thép cho công trình theo tiêu chuẩn hiện hành.
41	Đồ án kết cấu công trình bê tông cốt thép	3	Rèn luyện kỹ năng lựa chọn giải pháp kết cấu, thiết lập mặt bằng và hệ kết cấu chịu lực, xác định tải trọng, phân tích nội lực, tính toán, thiết kế và triển khai bản vẽ kết cấu bê tông cốt thép cho công trình theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.
42	Kết cấu công trình thép	2	Trang bị kiến thức về lựa chọn phương án kết cấu, thiết lập mặt bằng và hệ kết cấu chịu lực, xác định tải trọng, phân tích nội lực, tính toán và thiết kế kết cấu thép cho công trình dân dụng và công nghiệp theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
43	Đồ án kết cấu công trình thép	2	Rèn luyện kỹ năng lựa chọn giải pháp kết cấu, thiết lập mặt bằng và hệ kết cấu chịu lực, xác định tải trọng, phân tích nội lực, tính toán, thiết kế và triển khai bản vẽ kết cấu thép cho công trình theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.
44	Kỹ thuật và công nghệ xây dựng	3	Trang bị kiến thức về lựa chọn giải pháp kỹ thuật, biện pháp và công nghệ thi công các công tác xây dựng chủ yếu; đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và an toàn trong thi công công trình.
45	ĐA kỹ thuật và công nghệ XD	3	Rèn luyện kỹ năng lựa chọn giải pháp kỹ thuật, thiết kế biện pháp và công nghệ thi công các công tác xây dựng chủ yếu; lập thuyết minh và bản vẽ biện pháp thi công theo yêu cầu kỹ thuật.
46	Tổ chức sản xuất xây dựng	3	Trang bị kiến thức về tổ chức và quản lý quá trình thi công xây dựng, lập tiến độ, bố trí nguồn lực, tổng mặt bằng thi công và điều phối các hoạt động nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả của dự án xây dựng.
47	Đồ án tổ chức sản xuất xây dựng	3	Rèn luyện kỹ năng lập tiến độ thi công, thiết kế tổng mặt bằng thi công, tổ chức và điều phối nguồn lực, xây dựng biện pháp tổ chức thi công nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả của công trình.
48	Phần mềm ứng dụng trong kết cấu và thi công	3	Trang bị kiến thức và kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành trong phân tích, tính toán, thiết kế kết cấu và lập biện pháp, mô phỏng, quản lý thi công, hỗ trợ nâng cao hiệu quả thiết kế và tổ chức xây dựng công trình.
49	Công nghệ số trong xây dựng (Bim, AI)	3	Trang bị kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là BIM và trí tuệ nhân tạo (AI), trong thiết kế, thi công, quản lý và vận hành công trình, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng và năng suất trong hoạt động xây dựng.
50	Quản lý dự án xây dựng	2	Trang bị kiến thức về quản lý dự án xây dựng trong các giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc dự án; quản lý phạm vi, tiến độ, chi phí, chất lượng, hợp đồng, rủi ro và các nguồn lực theo quy định hiện hành.
51	Thực tập Cán bộ kỹ thuật	6	Học phần giúp sinh viên thực tập tại các đơn vị thi công xây dựng, tư vấn thiết kế hoặc quản lý dự án; vận dụng kiến thức chuyên môn vào công tác thiết kế, quản lý kỹ thuật, giám sát thi công, kiểm tra chất lượng và giải quyết các vấn đề thực tế trong hoạt động xây dựng.
52	Đồ án tốt nghiệp (**)	12	Học phần tổng hợp và vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành để giải quyết một nhiệm vụ thiết kế công trình thực tế, bao gồm đề xuất giải pháp kiến trúc, thiết kế kết cấu, lựa chọn giải pháp kỹ thuật, công nghệ và tổ chức thi công. Sinh viên thực hiện thuyết minh, tính toán, triển khai bản vẽ và bảo vệ kết quả trước hội đồng đánh giá.
53	Định mức và dự toán xây dựng	2	Trang bị kiến thức về định mức kinh tế - kỹ thuật, phương pháp xác định khối lượng, lập và quản lý dự toán xây dựng công trình; phục vụ công tác quản lý chi phí, đấu thầu và kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng.
54	Quản lý hồ sơ trong xây dựng	2	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng lập, quản lý hồ sơ trong các giai đoạn xây dựng. Tổ chức, lưu trữ và khai thác tài liệu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, thi công, hồ sơ hoàn công xây dựng.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung
55	Gia cố và sửa chữa k/c BTCT	2	Trang bị kiến thức về đánh giá hiện trạng, xác định nguyên nhân hư hỏng và các giải pháp gia cố, sửa chữa, bảo vệ kết cấu bê tông cốt thép; áp dụng các phương pháp kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn và nâng cao tuổi thọ công trình.
56	Ngoại ngữ chuyên ngành (ESP)	2	Trang bị vốn từ vựng, thuật ngữ và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành xây dựng; giúp sinh viên đọc hiểu tài liệu kỹ thuật, giao tiếp và khai thác thông tin phục vụ học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.
57	Thí nghiệm công trình	3	Trang bị kiến thức và kỹ năng thực hiện thí nghiệm, đo đạc, kiểm định và đánh giá trạng thái làm việc của các cấu kiện, kết cấu công trình; phân tích kết quả thí nghiệm phục vụ kiểm tra chất lượng, đánh giá an toàn và nghiên cứu giải pháp kỹ thuật trong xây dựng.
58	Chuyên đề kết cấu xây dựng	3	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, tổng hợp và thực hiện báo cáo một chuyên đề chuyên sâu về kết cấu xây dựng; phân tích các vấn đề kỹ thuật, giải pháp thiết kế, công nghệ mới và xu hướng phát triển trong lĩnh vực kết cấu công trình.
59	Chuyên đề công nghệ xây dựng	3	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, tổng hợp và thực hiện báo cáo một chuyên đề chuyên sâu về công nghệ xây dựng; phân tích các giải pháp kỹ thuật, công nghệ thi công tiên tiến, vật liệu mới và xu hướng phát triển trong lĩnh vực xây dựng.
60	Kỹ thuật và công nghệ thi công nhà lắp ghép	3	Trang bị kiến thức về đặc điểm, giải pháp kỹ thuật và công nghệ thi công nhà lắp ghép; nghiên cứu quy trình sản xuất, vận chuyển, lắp dựng các cấu kiện và tổ chức thi công đảm bảo chất lượng, an toàn và hiệu quả công trình.
61	Đồ án kỹ thuật và công nghệ thi công nhà lắp ghép	3	Rèn luyện kỹ năng lựa chọn giải pháp kỹ thuật, thiết kế biện pháp và quy trình công nghệ thi công nhà lắp ghép; lập thuyết minh, bản vẽ lắp dựng, tổ chức thi công các cấu kiện nhằm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn và hiệu quả xây dựng.
62	Thi công công trình ngầm	3	Trang bị kiến thức về đặc điểm, giải pháp kỹ thuật và công nghệ thi công các công trình ngầm; nghiên cứu các phương pháp đào, chống giữ, xử lý nền đất, thi công kết cấu ngầm và đảm bảo an toàn trong quá trình xây dựng.

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với mới trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;

- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";

- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB. GV. NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;

- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và Cách mạng công nghiệp 4.0;

- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Tháng 8 năm 2026

DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương

TRƯỞNG KHOA

TS. KTS Nguyễn Quốc Tuân